

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/8/2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hưng và bà Trần Thị L Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1988;

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Đội 3, thôn Tính L, xã Trung N, T.P Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Đội 12, Thôn Đào Đ, xã Trung N, T.P Hưng Yên, Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Phạm Minh H, sinh năm 1984;

HKTT: Đội 3, thôn Tính L, xã Trung N, T.P Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Hiện cư trú tại Hàn Q

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949;

- Ông Phạm Như H, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Đội 3, thôn Tính L, xã Trung N, T.P Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Đội 12, Thôn Đào Đ, xã Trung N, T.P Hưng Yên, Hưng Yên.

(Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai các đương sự trong quá trình tố tụng cùng các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Trung N, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống tại nhà riêng của anh H, không sống cùng bố, mẹ chồng. Vợ chồng chung sống được khoảng 01 năm thì anh H quyết định đi

lao động xuất khẩu tại Hàn Q Thời gian đầu tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Sau đó, bố mẹ anh H cho rằng chị không chịu làm, lười, còn trai gái lãng nhãng nên gọi điện nói với anh H. Thực tế chị đi làm ca đêm, ban ngày chị ngủ để giữ sức chứ không có việc như gia đình nhà chồng nói. Anh H nghe lời bố mẹ, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị và anh H cãi nhau qua điện thoại. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên tháng 8/2022 chị về nhà bố mẹ để ở cho đến nay. Trong suốt thời gian đó chị và anh H không ai có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua điện thoại, anh H nói không sống được thì làm đơn ly hôn. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn, chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, ruộng nông nghiệp: Giữa chị và anh H không có gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Minh H trình bày qua Zalo:

Anh đã được bố mẹ thông tin lại nội dung các văn bản Tòa án gửi cho anh. Anh cũng được vợ anh chị T thông tin về việc chị T có đơn xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, anh có quan điểm như sau: Anh và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung N năm 2016. Sau khi được bố mẹ hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Vợ chồng sống cùng bố mẹ để anh được nửa năm thì ra ở riêng cách nhà bố mẹ đẻ khoảng 500 mét. Năm 2019 do kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ anh phải đi xuất khẩu lao động để kiếm tiền trả nợ. Sau khi anh đi, chị T vẫn ở nhà do bố mẹ anh xây cho vợ chồng anh ở, không phải là tài sản riêng của vợ chồng. Anh nghe được thông tin chị T ở nhà chơi bởi trai gái đi hàng tuần mới về. Bố mẹ anh có nói chị T về ở cùng bố mẹ chồng nhưng chị T không nghe và xin phép về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2022 đến nay. Anh xác định vợ chồng ly thân từ năm 2019 từ khi anh đi lao động Hàn Q đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị T để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung, ruộng nông nghiệp: Anh và chị T không có gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc anh không xin được xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Q, bằng hình thức làm việc qua zalo có sự chứng kiến của bố, mẹ anh, anh trình bày quan điểm về việc chị T xin ly hôn anh như trên để Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh không về Việt Nam được, anh ủy quyền cho bố, mẹ anh là ông Phạm Như H và bà Nguyễn Thị T nhận và giao các văn bản cho Tòa án cho anh. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại các buổi công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Những người làm chứng:

- Bà Trần Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ chị T và là mẹ vợ anh H. Chị T, anh H tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung N ngày 08/11/2016. Sau khi kết hôn, anh H, chị T chung sống với nhau tại nhà anh H, được khoảng 01 năm thì anh H đi lao động tại Hàn Q Anh, chị phát sinh mâu thuẫn do nghi ngờ nhau không chung thủy. Hoàng và Thắm sống riêng không ở

cùng bố mẹ chồng. Chị T đi làm ngày đêm nhưng bố mẹ chồng chị cho rằng chị chơi bời đã gọi điện nói cho anh H dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Bà nghe chị T nói anh H bảo chị làm đơn ly hôn. Chị T về gia đình bà ở từ tháng 10/2022 cho đến nay. Anh H vẫn bên Hàn Q Nay chị T xin ly hôn anh H, bà đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết. Anh H, chị T chưa có con chung. Thẩm Hoàng không liên quan đến tài sản của gia đình bà. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Như H trình bày: Ông, bà là bố, mẹ đẻ anh Phạm Minh H. Hiện anh H đang sống và làm việc ở Hàn Q Anh H, chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ở UBND xã Trung N ngày 08/11/2016. Tổ chức đám cưới xong chị T, anh H về gia đình ông bà ở khoảng nửa năm thì chuyển ra ở riêng. Thẩm và Hoàng thời gian đầu chung sống không có mâu thuẫn, từ khi anh H đi lao động bên Hàn Q Thẩm Hoàng phát sinh mâu thuẫn do nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Chị T chơi bời đi nhà nghỉ, nhắn tin cho bạn trai. Chị T đi làm bên Hà Nam không biết làm gì, đi hai ba ngày, hàng tuần mới về. Do anh H không có nhà, ông bà có nói Thẩm về nhà ông bà ở nhưng chị T không đồng ý và xin phép về nhà bố mẹ đẻ sống. Trước khi kết hôn với nhau anh H và chị T cũng đã từng kết hôn với người khác. Năm 2019 anh H đi lao động bên Hàn Q cho đến nay. Việc chị T xin ly hôn anh H cũng thông qua gia đình ông bà. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh H, chị T. Anh H, chị T chưa có con chung; không liên quan đến tài sản của gia đình ông bà. Anh H ủy quyền cho ông bà nộp giấy tờ của anh H cho Tòa án và nhận văn bản của Tòa án giao cho anh H, ông bà nhất trí. Ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vụ án vắng mặt.

Ủy ban nhân dân xã Trung N cung cấp:

Qua rà soát sổ sách lưu giữ tại UBND xã Trung N có trường hợp chị Trần Thị T, sinh ngày 15/3/1988 và anh Phạm Minh H, sinh ngày 01/8/1984 cùng cư trú tại Trung N, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn tại UBND xã ngày 08/11/2016. Anh H, chị T chưa có con chung. Mâu thuẫn giữa chị T và anh H địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp: Trường hợp Phạm Minh H, sinh ngày 01/8/1984, tại Hưng Yên, Căn cước công dân soos145151032, khai hộ khẩu thường trú tại: Đội 3, Tịch L, Trung N, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, đã sử dụng hộ chiếu số C6779948 để xuất cảnh ngày 01/6/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện

việc thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị T. Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử cho chị T được ly hôn anh H. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị T và anh Phạm Minh H đều có hộ khẩu thường trú tại Đội 3, Tính L, xã Trung N, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên nhưng hiện nay anh H đang làm việc và sinh sống tại Hàn Q Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Minh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung N, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên ngày 08/11/2016 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh H và chị T sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2019, do kinh tế khó khăn, anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Q Anh H nghi ngờ chị T ở nhà không chung thủy dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11. 2022 cho đến nay. Hai bên thực sự không còn quan tâm, chia sẻ, liên lạc với nhau, kinh tế độc lập, việc của ai người đó làm. Chị T và anh H đều thừa nhận tình cảm vợ chồng đến nay không còn. Chị T xin ly hôn anh H. Anh H nhất trí giải quyết ly hôn. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh H của chị T là có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh H để hai anh chị sớm ổn định cuộc sống mới.

[2.2]. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Phạm Minh H chưa có con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng nông nghiệp: Chị Trần Thị T và anh Phạm Minh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Phạm Minh H.

2. Về con chung: Chị T và anh H chưa có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng nông nghiệp: Chị Trần Thị T và anh Phạm Minh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000290, ngày 23/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Phạm Minh H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày đối với chị T, 01 tháng đối với anh H, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Trung N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Xuân Trường

Đinh Thị Hương

Vũ Thị Nga

